

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN, TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 01 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: . . ./ĐKNY do..... cấp ngày . . . tháng. . . năm . . .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại: Công ty Cổ phần Chế Biến Gỗ Thuận An

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Văn Thành

Số điện thoại: 0650-718024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 01 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An

Loại cổ phiếu: Phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 8.407.750 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 84.077.500.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)

Trụ sở: 138 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 9303437 **Fax:** (84.8) 9303365

Chi nhánh: 93/B1 Đường Cầu Giấy, Hà Nội

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Trụ sở: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 7262600 **Fax:** (84.4) 7262601

Chi nhánh: Số 2 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 9102215 **Fax:** (84.8) 9102216

Website: <http://thanglongsc.com.vn>

MỤC LỤC

Trang

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
III. CÁC KHÁI NIỆM	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	55
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	56
VII. PHỤ LỤC.....	57

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam là thành viên chính thức của tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), điều này đặt Công ty đứng trước nhiều cơ hội kinh doanh và thách thức với yêu cầu phải cải tổ, mở rộng sản xuất và có tầm nhìn để có thể đứng vững trong quá trình hội nhập. Do vậy rủi ro kinh tế cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặt khác, hoạt động trong ngành sản xuất, khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người. Khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, thu nhập của người dân giảm sút, cơ cấu chi tiêu của người dân sẽ thay đổi.

Giá nguyên vật liệu đầu vào dùng cho sản xuất ngành gỗ là thường xuyên thay đổi và phụ thuộc nhiều vào giá thế giới, đây cũng là một trong những yếu tố rủi ro của Công ty.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp. Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2003 là 7,23%, năm 2004 đạt 7,7% và năm 2005 đạt khoảng 8,4%. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức 7 - 8%/năm trong các năm tới là hoàn toàn khả thi. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với Công ty là không cao.

1.2. Rủi ro về luật pháp

Trong hoạt động xuất khẩu, các doanh nghiệp thường khó lường trước được những thay đổi về chính sách, quan hệ ngoại giao... làm thay đổi các kế hoạch của Công ty, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, tình hình chính trị trong nước hiện nay đang ổn định, Chính phủ đã ban hành nhiều quy định áp dụng cho hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng hội nhập với thị trường khu vực và quốc tế, chính điều này đã góp phần giúp cho Công ty có định hướng tốt để phát triển trong tương lai.

Ngoài ra, Sự thiếu nghiêm minh trong thực thi luật pháp của Nhà nước và nền văn hoá kinh doanh còn non trẻ đã tạo ra sự cạnh tranh chưa lành mạnh

1.3. Rủi ro thị trường

Việt Nam hội nhập AFTA và WTO là tiến trình phát triển nhanh, linh hoạt và đòi hỏi tính nhạy cảm cao của các chiến lược, kế hoạch, phương án kinh doanh của Công ty được mở rộng trên quy mô lớn vượt qua khỏi tầm quyền kiểm soát của quốc gia, bởi vậy rủi ro rất lớn nếu xác định sai mục tiêu, định hướng của chiến lược hội nhập. Sự cạnh tranh giữa các công ty sản xuất cùng ngành ngày càng gay gắt, trong khi môi trường cạnh tranh chưa lành mạnh tạo khe hở cho những đơn vị làm ăn không chân chính né tránh thuế, giảm giá thành đã làm ảnh hưởng đến những nhà sản xuất chân chính. Ngoài ra, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật cũng như sự đầu tư phát triển và nghiên cứu tạo ra các sản phẩm mới, thay thế có tính hiệu quả cao cũng là một yếu tố không nhỏ làm ảnh hưởng cho sự mở rộng và phát triển thị trường.

Thêm vào đó, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong cùng ngành nghề ngày càng gia tăng. Đối thủ cạnh tranh của Công ty không những các công ty trong nước mà còn là những công ty nước ngoài với sức mạnh về vốn và công nghệ hiện đại. Đây cũng là một yếu tố rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Rủi ro biến động giá

Thị phần chủ yếu của Công ty là Mỹ và Châu Âu và giá của sản phẩm gỗ phụ thuộc vào giá nguyên liệu gỗ của thế giới cũng như giá cả của các loại nguyên liệu thay thế khác. Do đó, sự biến động giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào cũng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, cũng do sản lượng xuất khẩu của Công ty là chủ yếu nên sự biến động của tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong những năm gần đây với cơ chế quản lý tiền tệ thả nổi có điều tiết của Nhà nước nên tỷ giá hối đoái của Đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác là tương đối ổn định. Do đó, việc ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến hoạt động sản xuất kinh doanh là không nhiều.

1.5. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, dịch hoạ.... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra dù trực tiếp hay gián tiếp sẽ gây ảnh hưởng đến các khách hàng truyền thống cũng như những thị trường tiềm năng, tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Nguyễn Đình Xuân	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Đỗ Văn Bình	Chức vụ: Giám đốc
Bà: Lê Thị Xuyên	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Trần Thị Kim Thanh	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông: **Lê Đình Ngọc**

Chức vụ: Giám đốc, Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (sau đây gọi tắt là Công ty Chứng khoán Thăng Long)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An
- Công ty kiểm toán: Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An.

- **Bản cáo bạch:** Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- **Điều lệ:** Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An thông qua.
- **Vốn điều lệ:** Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An
- **Cổ phần:** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- **Cổ phiếu:** Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An
- **Người có liên quan:** Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty mẹ và công ty con (nếu có)
 - Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty đó thông qua các cơ quan quản lý Công ty.
 - Công ty và những người quản lý Công ty.
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
 - Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- | | |
|-----------|----------------------------------|
| ▪ Công ty | Tên viết tắt của Công ty cổ phần |
| ▪ TSCĐ | Tài sản cố định |
| ▪ TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| ▪ HĐQT | Hội đồng quản trị |
| ▪ ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ▪ BKS | Ban kiểm soát |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An là doanh nghiệp cổ phần 100% vốn Nhà nước do 10 cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty cao su Việt Nam (Tổng Công ty Cao su Việt Nam, Công ty cao su Đồng Nai, Công ty cao su Bình Long, Công ty cao su Phước Hoà, Công ty cao su Phú Riềng, Công ty cao su Dầu Tiếng, Công ty cao su Bà Rịa, Công ty Tài chính cao su, Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu cao su, Công ty kho vận và dịch vụ hàng hoá) góp vốn thành lập từ tháng 01 năm 2002. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4603000035 ngày 24 tháng 12 năm 2001.

Tháng 04 năm 2005, thực hiện theo quyết định số 193/QĐ-KHĐT ngày 02 tháng 03 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cao su Việt Nam Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bán 49 % cổ phiếu của các cổ đông sáng lập ra thị trường cho các nhà đầu tư khác.

1.2 Giới thiệu về công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN
- Tên tiếng Anh: THUAN AN WOOD PROCESSING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: T.A.C
- Biểu tượng của Công ty: 
- Vốn điều lệ hiện tại: 84.077.500.000 đồng.
- Cơ cấu vốn hiện nay của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An như sau (thời điểm 31/12/2006):

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
Pháp nhân	626.948	62.694.800.000	74,57%
Cá nhân	213.827	21.382.700.000	25,43%
Tổng cộng	840.775	84.077.500.000	100%

- Địa chỉ: Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650-718024-718030 Fax : 0650-718026
- E-mail: thuananwood@hcm.vnn.vn
- Web site: thuananwood.com
- Logo Công ty: 
- Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký số: 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm

2001. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03 tháng 01 năm 2006.
 Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 01 năm 2007.

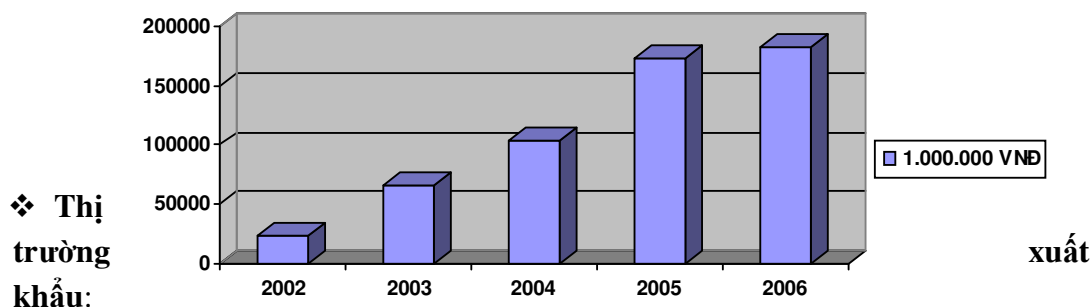
- **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Khai thác và sơ chế gỗ; Cưa xẻ gỗ thành ván; Bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ.
 - Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình kỹ thuật; Xây dựng công trình công nghiệp; Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng.
 - Mua bán giường, tủ, bàn, ghế; Mua bán gỗ các loại; Mua bán gỗ các loại; Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
 - Mua bán mủ cao su.
- **Vị trí Công ty đặt tại trung tâm các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cách thành phố Hồ Chí Minh 23 km, cách thị xã Thủ Dầu Một 7 km.**
 Diện tích mặt bằng trụ sở Công ty đặt tại huyện Thuận An tỉnh Bình Dương là: 29.877 m² trong đó, diện tích nhà xưởng sản xuất là: 14.547 m² (chiếm 49% tổng diện tích) đường giao thông nội bộ, sân bãi là: 11.376,5 m² (chiếm 38% tổng diện tích) sân vườn cây xanh là 3.963,5 m² (chiếm 13% tổng diện tích).
 Diện tích mặt bằng chi nhánh của Công ty đặt tại huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước (Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước – Giai đoạn 1) là: 195.000 m² trong đó, diện tích nhà xưởng là 27.080 m².
- **Công suất chế biến:** Với máy móc trang thiết bị và nhà xưởng hiện đại, Công ty thực hiện quy trình công nghệ sản xuất khép kín từ khâu khai thác- cưa xẻ, sấy, sản xuất và xuất khẩu. Công suất phơi sấy 100.000 m³ /năm, cung cấp phơi sấy gỗ cao su, trầm, thông cho các nhà máy chế biến gỗ trong khu vực tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh. Sản phẩm hoàn chỉnh hơn 15.000 m³ gỗ tinh chế / năm.
- Công ty thực hiện chia thị trường tiêu thụ của mình thành 2 phân khúc lớn: thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa. Sản phẩm đồ gỗ hoàn chỉnh chủ yếu của Công ty hiện nay vẫn tập trung nhiều vào xuất khẩu chiếm trên dưới 95% trên tổng doanh thu hàng năm và có xu hướng ngày càng tăng, cụ thể như sau:

❖ **Doanh thu tiêu thụ qua các năm như sau :**

Đvt : 1.000.000 VNĐ

Năm	2002	2003	2004	2005	2006
Doanh thu XK	4.708	21.132	53.183	102.906	95.394
Doanh thu NỘI	19.016	44.958	50.679	69.602	86.768
<i>Sơ chế</i>	<i>17.073</i>	<i>43.089</i>	<i>47.764</i>	<i>67.107</i>	<i>76.679</i>
<i>Tinh chế</i>	<i>1.943</i>	<i>1.869</i>	<i>2.915</i>	<i>2.495</i>	<i>10.089</i>
Tổng cộng	23.724	66.090	103.862	172.508	182.162

BIỂU ĐỒ TỔNG DOANH THU QUA CÁC NĂM

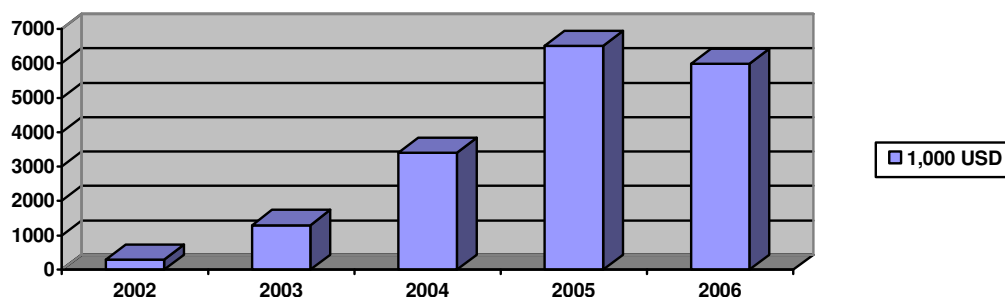


Hiện nay, sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu của Công ty đã nhiều năm liên cạnh tranh được về mặt chất lượng sản phẩm với các nước ASEAN như Indonesia, Malaysia, Thái Lan... trên thị trường Châu Âu, Mỹ... Thị trường Mỹ và Châu Âu là 2 thị trường khó tính nhưng tính ổn định cao và là thị trường truyền thống của Công ty trong các năm qua. Sản phẩm đồ gỗ của Công ty đã tạo được uy tín và có được bạn hàng gắn bó lâu dài, hợp tác mở rộng thị trường, giúp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và đảm bảo được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn và tăng trưởng liên tục. Năm 2005 và năm 2006 Công ty được bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín. Cụ thể, năm 2005 được Bộ thương mại bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc, được tặng bằng khen và thưởng xuất khẩu năm 2005 là 300 triệu đồng.

Tình hình xuất khẩu của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
1.000.000 VND	4.708	21.132	53.183	102.906	95.394
1,000 USD	300	1,300	3,400	6,507	5,987

BIỂU ĐỒ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU (TÍNH THEO USD)



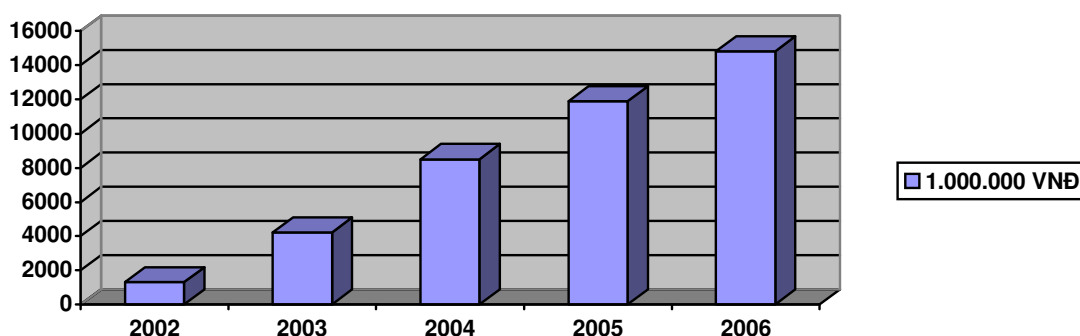
Năm 2006 Công ty chuyển phần lớn doanh thu từ hàng ngoài trời (outdoor) từ thị trường Châu Âu sang mặt hàng trong nhà (indoor) cho thị trường Mỹ nên doanh thu có giảm song giá trị gia tăng cao hơn.

Để đạt được hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, song song với việc duy trì và phát triển thị trường Mỹ và Châu Âu đang có thể lực. Công ty đang nỗ lực hiện đại hoá công tác tổ chức quản lý nhằm giảm chi phí sản xuất, tạo thế mạnh cho việc cạnh tranh mạnh mẽ để mở rộng thị trường tiêu thụ đồ gỗ sang các thị trường tiêu thụ khác như Nhật Bản và các nước khác trong khu vực... Tuy nhiên, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2006 của Công ty đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến gỗ tại Bình Phước (Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước Giai đoạn 1) trên diện tích đất 18,2 ha, diện tích nhà xưởng xây dựng là 27.080 m² với số vốn huy động giai đoạn 1 là 44 tỷ đồng. Do đó, chủ yếu trong năm tài chính hiện tại là đầu tư xây dựng cơ bản, nhập khẩu máy móc thiết bị, chưa triển khai sản xuất nên tỷ suất lợi nhuận trên vốn thấp hơn so với năm 2005. Đến thời điểm này nhà máy đã bắt đầu triển khai và đi vào hoạt động và cho sản phẩm đảm bảo chất lượng.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty qua các năm:

Năm	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
1.000.000 VND	1.297	4.212	8.394	11.893	14.809

BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



❖ **Thị trường nội địa:**

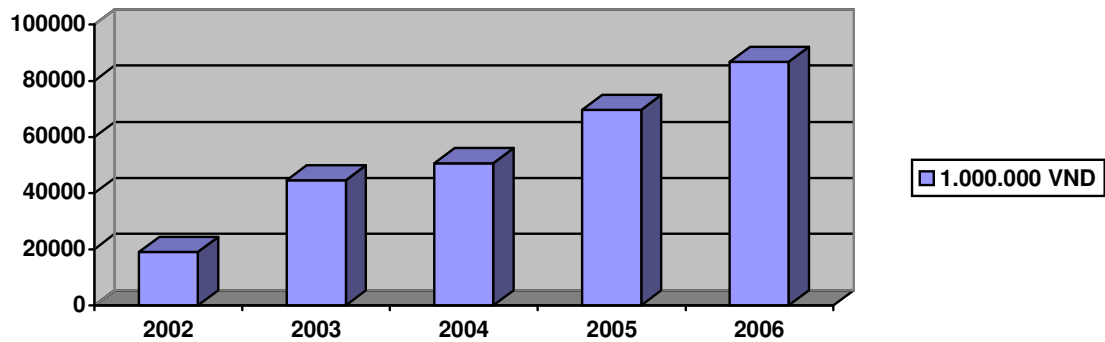
Với ưu thế là thành viên của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và tập đoàn cũng là cổ đông chi phối. Công ty được ưu tiên mua gỗ cao su thanh lý để phục vụ sản xuất và kinh doanh mặt hàng chiến lược này.

Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ ở thị trường nội địa là các loại phôi gỗ cao su sấy và các loại ván ghép bán cho các nhà máy tinh chế trên các địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh...

Doanh thu tiêu thụ nội địa qua các năm. :

Năm	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
1.000.000 VND	17.073	43.089	47.764	67.107	76.679
1.000.000 VND	1.943	1.869	2.915	2.495	10.089
Tổng cộng	19.016	44.958	50.679	69.602	86.768

BIỂU ĐỒ DOANH THU TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

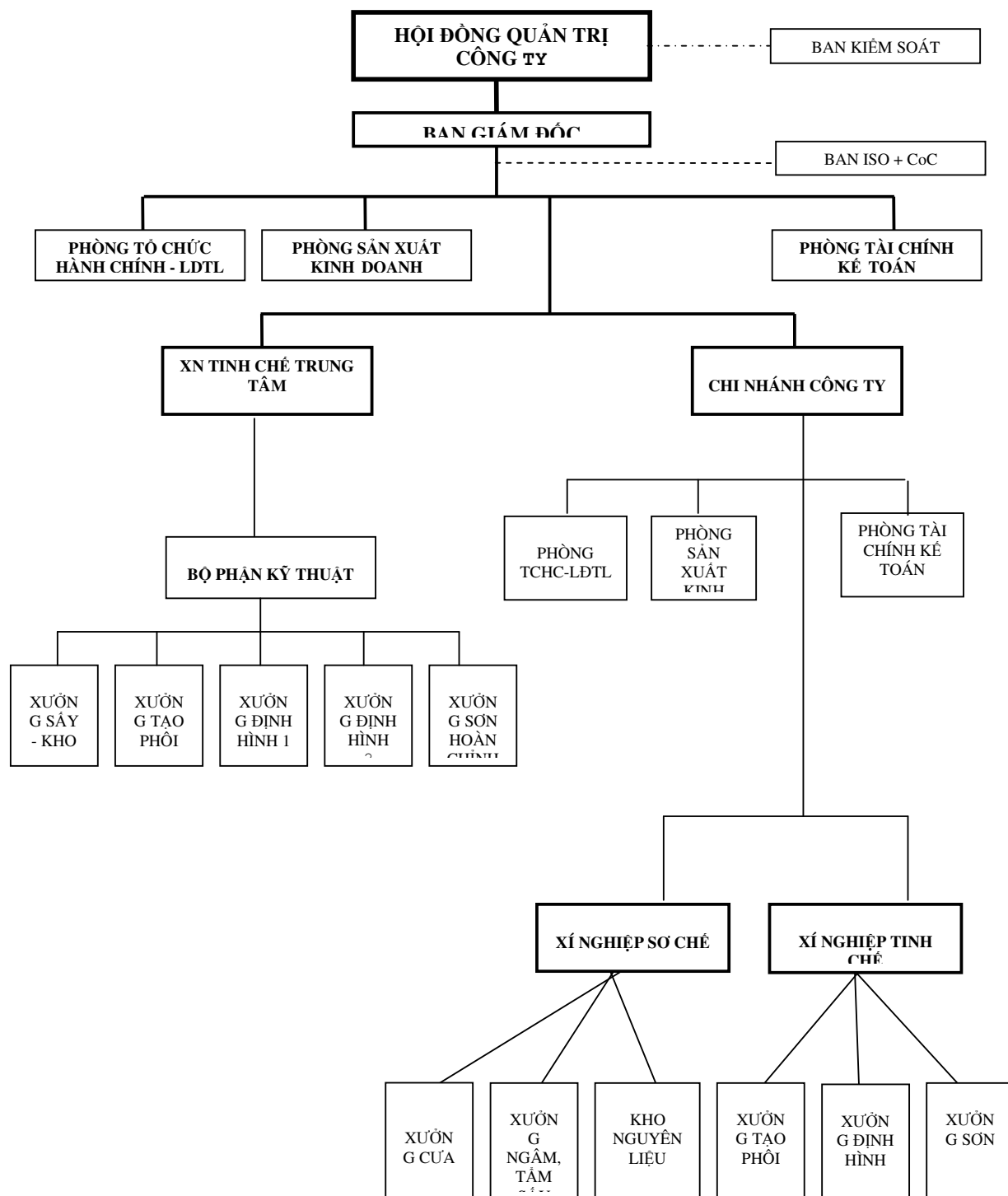


Với dân số trên 80 triệu dân, Việt Nam là một là một nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, sức mua ngày càng tăng, Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng về tiêu thụ sản phẩm gỗ chế biến. Hiện tại so với các nước khác trên thế giới sức tiêu thụ sản phẩm gỗ chế biến của nước ta còn chiếm một tỷ lệ thấp so với các nước trong khu vực và thế giới, điều này cho thấy thị trường đồ gỗ Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng mà trong thời gian tới Công ty sẽ tập trung khai thác mạnh mẽ.

- ❖ Định hướng phát triển trong thời gian tới với một cơ cấu tổ chức hợp lý và dần dần hoàn thiện có thể phát huy hết các thế mạnh hiện có, chiến lược kinh doanh trong thời gian tới như sau:
- ❖ Không ngừng củng cố và phát triển thương hiệu **T.A.C** và tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu trong lĩnh vực chế biến gỗ.
- ❖ Đảm bảo sức cạnh tranh mạnh mẽ cho hầu hết các sản phẩm của Công ty ở thị trường quốc tế và trong nước trên cơ sở ổn định chất lượng hạ giá thành sản phẩm, giữ vững thị trường và khách hàng truyền thống là Mỹ và Châu Âu và tiếp tục mở rộng thêm thị trường một số nước khác.
- ❖ Phát triển thị trường trong nước về đồ gỗ cho tầng lớp trung lưu và trang trí nội thất cho các công trình có nhu cầu về kỹ thuật và đòi hỏi tính thẩm mỹ cao. Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu đồ gỗ chế biến sang các thị trường lớn như Mỹ và các nước Châu Âu nhằm tăng thị phần xuất khẩu lên 95% tổng giá trị xuất lượng.
- ❖ Phát triển về ưu thế công nghệ, quản lý, xây dựng hệ thống vệ tinh cung cấp bán thành phẩm để tăng doanh thu và giảm chi phí giá thành sản phẩm.
- ❖ Kinh doanh địa ốc: Đầu tư xây dựng các công trình, khu cư xá hoàn chỉnh bao gồm cả các dịch vụ nội ngoại thất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội.
- ❖ Xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn có tay nghề cao có trình độ công nghệ quốc tế, cải tiến chế độ lương, thưởng... nâng cao mức sống cho người lao động trong Công ty.
- ❖ Hiện đại hoá Công ty, ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu quản trị tài chính kế toán, quản lý sản xuất, xây dựng kế hoạch và dần dần tiếp cận với thương mại điện tử.
- ❖ Chuẩn bị phương án chuyển đổi Xí nghiệp trung tâm tại trụ sở Công ty sau năm 2010 thành Khu trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng hay siêu thị.
- ❖ Từng bước mua lại các nhà máy, xí nghiệp chế biến gỗ vừa và nhỏ để mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường nội địa và xuất khẩu.
- ❖ Tiếp tục đầu tư mở rộng thêm các hoạt động sản xuất kinh doanh như kinh doanh như kinh doanh mua bán mù cao su, xây dựng hạ tầng và các lĩnh vực hỗ trợ cho ngành sản xuất đồ gia dụng bằng gỗ.
- ❖ Thực hiện liên kết với 5 hay 6 công ty cùng ngành nghề hoạt động để hợp tác sản xuất kinh doanh để đáp ứng yêu cầu của các khách hàng lớn, đa dạng về sản phẩm mà Công ty chưa đáp ứng.
- ❖ Công ty đang có kế hoạch mua cổ phần của nông trường Minh Hưng và 1.500 hecta đất để trồng cây cao su tại huyện Bình Long tỉnh Bình Phước và sắp tới

Công ty sẽ mua cổ phần của Công ty Cao su Bình Long, Công ty Cao su Phước Hoà để trở thành thành cổ đông chiến lược nhằm tiêu thụ gỗ cao thu thành lý cho 2 công ty trên.

2. Cơ cấu tổ chức công ty



Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH 11 ngày 29/11 năm 2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tháng 06 năm 2007.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc: Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Khối tham mưu: Gồm các phòng, ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Khối tham mưu của Công ty gồm Phòng Tổ chức Hành chính – Lao động Tiền lương; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Sản xuất Kinh doanh với chức năng được quy định như sau:

1. Phòng Tổ chức Hành chính – Lao động Tiền lương: Là phòng chuyên môn nghiệp vụ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty ký Quyết định thành lập số 10/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 03 năm 2002. Phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác quản trị nhân sự - hành chính văn phòng và lao

động tiền lương. Các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng được tóm lược như sau:

- **Chức năng:** Hoạch định nhân sự, tuyển chọn nhân viên, bố trí, và quy hoạch cán bộ. Đào tạo và phát triển nhân viên, giải quyết các mối tương quan lao động như: Khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ việc, bổ nhiệm, điều động, giải quyết tranh chấp lao động. Quản trị tiền lương và các chế độ chính sách như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an toàn lao động, an ninh trật tự... Quản lý lưu trữ hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên, quản trị hành chánh văn phòng, tiếp khách. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, các chuyến đi công tác. Quản lý các phương tiện thông tin liên lạc, hồ sơ văn thư và phương tiện đi lại. Điều hành và kiểm tra theo tuyến quyền hạn nhằm mục đích phục vụ các bộ phận khách cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Nhiệm vụ:** Xây dựng và thực hiện các chính sách về tuyển dụng, phát triển và đào tạo nhân sự. Xây dựng nội quy lao động, quy chế tổ chức quản lý, quy chế khen thưởng, kỷ luật, quy chế trả lương, thưởng của Công ty. Xây dựng kế hoạch tiền lương, Xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân. Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, an ninh trật tự toàn Công ty. Kiểm tra quyết toán quỹ lương các đơn vị trực thuộc Công ty hàng tháng, hàng năm và tính lương thanh toán cho Cán bộ công nhân viên khối văn phòng Công ty. Quản lý hồ sơ lý lịch Cán bộ công nhân viên, văn thư lưu trữ. Theo dõi thống kê tình hình biến động lao động toàn Công ty hàng ngày, hàng tháng, hàng năm. Thực hiện các chính sách đối với người lao động về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn. Theo dõi kiểm tra các chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng làm thêm, bồi dưỡng độc hại, giải quyết tương quan lao động như: khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, bổ nhiệm, điều động sắp xếp lao động, giải quyết tranh chấp lao động.
- **Quyền hạn:** Được quyền tổ chức bộ phận quản lý và bộ phận phục vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của phòng. Được quyền đề nghị Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển chuyển cán bộ, tuyển dụng, nâng lương, thi hành kỷ luật, cho nghỉ việc... theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

2. Phòng Tài chính – Kế toán: Là phòng chuyên môn nghiệp vụ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt theo quyết định số 10/QĐ – HĐQT ngày 11 tháng

03 năm 2002. Các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng được tóm lược như sau:

- **Chức năng:** Tham mưu cho Giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác Tài chính, kế toán thống kê tại Công ty. Tổ chức giám sát nội bộ và quản lý các hoạt động kinh tế của Công ty. Tổng hợp và phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính của Công ty.
- **Nhiệm vụ:** Tổ chức công tác kế toán, công tác thống kê và bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty đồng thời tuân theo pháp lệnh về kế toán – thống kê do Nhà nước quy định. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương của Công ty. Tổ chức ghi chép, tính toán và hạch toán chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tình hình luân chuyển, sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và sử dụng kinh phí của đơn vị. Tính toán và trích nộp đúng, đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản tiền vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả. Bảo quản tiền mặt và các chứng khoán có giá trị như tiền, tổ chức tính toán và phân phối tận tay đến người lao động các khoản tiền lương, tiền thưởng hàng tháng. Tổ chức hướng dẫn kiểm kê tài sản, vật tư, hàng hoá, thành phẩm và đánh giá lại tài sản theo đúng chủ trương và chế độ của nhà nước. Tổ chức phổ biến và hướng dẫn thi hành kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính kế toán thống kê của nhà nước. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu chi tài chính, kỹ thuật thu nộp ngân sách, thanh toán, kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn, kinh phí, phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động tham ô, lãng phí, vi phạm chính sách, chế độ, kỷ luật kinh tế tài chính của Nhà nước. Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế, tài chính, phục vụ cho công tác thống kê và thông tin kinh tế. Lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán của Công ty theo chế độ quy định. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán trong Công ty. Thông qua công tác tài chính kế toán, tham gia nghiên cứu cải tiến tổ chức sản xuất, xây dựng phương án sản phẩm, cải tiến quản lý sản xuất kinh doanh nhằm khai thác tối đa hiệu quả của đồng vốn đầu tư. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán theo quy định của Nhà nước.
- **Quyền hạn:** Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn nghiệp vụ kế toán theo Pháp lệnh kế toán thống kê và chỉ đạo trực tiếp về mặt chuyên môn nghiệp vụ đối với các nhân viên kế toán của Công ty phù hợp với chức

năng nhiệm vụ của phòng. Có quyền yêu cầu các phòng ban trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng từ, văn bản cần thiết cho công tác kế toán và kiểm tra kế toán. Hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ đối với kế toán thống kê các xưởng và được ký các văn bản hướng dẫn thực hiện. Có quyền đề xuất, tham gia ý kiến trong việc tuyển dụng, chuyển chuyển, điều động, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo các nhân viên kế toán, thủ quỹ trong Công ty. Có quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định. Liên hệ làm việc với ban kiểm soát, các cơ quan chức năng trong và ngoài ngành để giải quyết những vấn đề thuộc về công tác chuyên môn nghiệp vụ được giao.

3. Phòng SXKD: Là phòng chuyên môn nghiệp vụ do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thành lập theo quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 11 tháng 03 năm 2002. Phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Chức năng:** Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh. Tiếp tục mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Quản lý các hoạt động và nghiệp vụ xuất nhập khẩu của Công ty tuân theo tiêu chuẩn ISO 2001-9000 và CoC. Quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.
- **Nhiệm vụ:** Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản theo tháng, theo quý, theo năm của Công ty, đề xuất giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các xưởng. Quản lý theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của các xưởng hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, tìm kiếm khách hàng, xúc tiến thương mại để đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thực hiện các biện pháp Marketing. Xây dựng, tổ chức và quản lý các đơn hàng và quản lý tiêu thụ. Tiếp tục, đàm phán, soạn thảo và đề xuất ý kiến cho các hợp đồng kinh tế. Tổ chức sản xuất khi có các đơn hàng mới, xây dựng quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật sản phẩm. Lập kế hoạch nhu cầu vật tư, hoá chất, nguyên liệu phục vụ sản xuất, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch định mức kinh tế kỹ thuật. Thực hiện việc kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty. Cùng với xưởng xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên nghiệp, cán bộ quản lý xưởng. Phối hợp với các xưởng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất để đảm bảo giao hàng đúng hạn với khách hàng. Xây dựng đơn giá lương các mặt hàng với các xưởng.
- **Quyền hạn:** Được Giám đốc uỷ quyền các giao dịch, đàm phán, soạn thảo xem xét các hoạt động về kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty. Thừa lệnh Giám đốc ký các văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ hoặc các giao dịch thông

thường với khách hàng trong và ngoài nước. Có quyền yêu cầu các xưởng cung cấp báo cáo các hoạt động hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm để tổng hợp báo cáo Giám đốc Công ty. Có quyền đề xuất với Giám đốc đình chỉ việc thực hiện hợp đồng đối với đơn hàng không mang lại hiệu quả. Phòng sản xuất kinh doanh được quyền đề xuất tham gia ý kiến trong việc tuyển dụng, chuyển, điều động, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật đối với đối với cán bộ nhân viên thuộc lĩnh vực sản xuất của phòng.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ (%)
Tổng Công ty Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM	100.650	10.065.000.000	11,97
Công ty Cao su Phước Hoà	Xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	46.775	4.677.500.000	5,56
Công ty Cao su Bình Long	Thị trấn An Lộc, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước	66.065	6.606.500.000	7,86
Công ty Cao su Lộc Ninh	Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	45.000	4.500.000.000	5,35
Công ty Cao su Đồng Phú	Xã Thuận An, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	45.000	4.500.000.000	5,35
Tổng Công ty Bảo Hiểm Việt Nam	35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	78.000	7.800.000.000	9,28
TỔNG CỘNG		381.490	38.149.000.000	45,37

Và cơ cấu cổ đông đến ngày 25/3/2007 như sau:

TT	Danh mục	1.000 đồng	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
A	Vốn cổ phần					
1	Cổ đông sáng lập	10.065.000	11,97%	1	1	-
2	Cổ đông lớn nắm giữ trên 5%	28.084.000	33,40%	5	5	-

3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	45.928.500	54,63%	314	11	303
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
B	Trong đó :					
1	Vốn nhà nước	10.065.000	11,97%	1	1	-
2	Vốn nước ngoài	2.615.000	3,11%	4	1	3

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có công ty Mẹ, công ty con nào chi phối đối với tổ chức phát hành.

6. Hoạt động kinh doanh

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như đã trình bày ở mục 1.2
- Các mảng hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Công ty gồm:
 - Sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ cao su và gỗ khác.
 - Mua bán, kinh doanh sản phẩm gỗ và các loại vật tư thiết bị có liên quan.
- Công ty đã tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

6.1.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

a. Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: đồng

Ngành nghề	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
Sản phẩm sơ chế	47.521.444.000	67.108.000.000	76.679.000.000
Sản phẩm tinh chế	56.098.368.000	105.400.000.000	105.483.000.000
Kinh doanh hàng hoá, dịch vụ khác	250.064.000	-	-
Tổng cộng	103.869.876.000	172.508.000.000	182.162.000.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty kiểm toán AFC)

b. Cơ cấu lợi nhuận gộp:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
Lợi nhuận gộp về bán hàng	12.486.920.054	17.134.667.078	17.500.695.335

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán công ty kiểm toán AFC)

6.1.2. Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu:

- Nguồn nguyên liệu chính là gỗ cao su, theo dự kiến kế hoạch thanh lý vườn cây của các công ty cao su trong thời gian tới đáp ứng đủ nhu cầu về nguồn nguyên liệu và kế hoạch phát triển ổn định của Công ty. Ngoài ra, tùy theo tình hình thị trường, nguồn nguyên liệu cũng có thể là các loại nguyên liệu thay thế khác như keo lá tràm, thông...
- Với nguồn gỗ cao su thanh lý cũng như một số nguồn gỗ khác kết hợp đảm bảo đáp ứng được cho đơn vị lâu dài.

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

- Đẩy mạnh ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển là một trong những yếu tố quan trọng là chủ động được nguồn nguyên liệu. Vì thế, một trong những yếu tố để phát triển và tăng tính cạnh tranh trong ngành chế biến gỗ là chủ động được nguồn nguyên liệu.
- Công ty Chế biến Gỗ Thuận An có lợi thế đa phần cổ đông là các công ty cao su khu vực miền Đông, nơi có nguồn nguyên liệu cao su thanh lý khá tập trung. Theo dự kiến kế hoạch thanh lý các vườn cây cao su của các công ty như sau:
 - Khu vực tỉnh Bình Phước: Công ty cao su Bình Long, Công ty cao su Lộc Ninh, Công ty cao su Đồng Phú, Công ty cao su Phú Riềng... bình quân khoảng 2.100 – 2.300 ha/năm.
 - Khu vực tỉnh Bình Dương: Công ty cao su Phước Hoà, Công ty cao su dầu Tiếng...bình quân khoảng 2.000 ha/năm.

Như vậy, nếu tính chung cho khu vực Bình Dương và Bình Phước với 4.100 - 4.300 ha cây cao su thanh lý như trên thì hàng năm công ty có thể sản xuất khoảng 130.000 m³ gỗ

phôi, có thể sản xuất đạt 65.000 m³ gỗ cao su tinh chế xuất khẩu và có thể sản xuất 160.000 m³ ván MDF từ gỗ càn cho mỗi năm.

6.1.3. Chi phí kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2004		NĂM 2005		NĂM 2006	
	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán (thuần)	88.612	87,6	153.197	89,9	164.477	90,4
Chi phí bán hàng	631	0,62	1.028	0,60	5.603	3,1
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.378	3,34	4.914	2,88	5.344	2,9
Lãi vay ngân hàng	348	0,34	195	0,11	-	-
TỔNG	92.969		159.334		175.424	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty kiểm toán AFC)

6.1.4. Trình độ công nghệ

Hiện nay, Công ty có 2 nhà máy chế biến gỗ với dây chuyền công nghệ khép kín từ khâu khai thác đến khâu tiêu thụ với công suất phôi sấy khoảng 100.000 m³ / năm và sản phẩm hoàn chỉnh 15.000 m³ /năm.

Dây chuyền công nghệ sản xuất của Công ty thuộc loại tiên tiến so với các công ty khác trong cùng ngành nghề hoạt động. Việc chọn công nghệ sản xuất phù hợp nhằm tạo ra các sản phẩm được xử lý đúng tiêu chuẩn, chất lượng cao, bảo đảm cho tiêu chuẩn xuất khẩu. Quy trình công nghệ được tóm lược như sau:

➤ Khâu sơ chế:

○ Giai đoạn 1: Cưa , cắt

Gỗ cao su được đưa về xưởng chế biến sau khi đồn từ 2 đến 3 ngày. Sau khi kiểm tra phân loại, gỗ tròn được đưa qua hệ thống cưa để có được quy cách sản phẩm theo yêu cầu.

○ Giai đoạn 2: Tẩm

Gỗ sau khi cưa cắt được đưa vào hệ thống ngâm tẩm bằng áp lực với các hoá chất. Hoá chất thẩm thấu hoàn toàn vào thanh gỗ nhằm chống mối mọt, sau khi tẩm gỗ được chuyển qua khu vực hong phơi tự nhiên trước khi chuyển vào lò sấy.

○ Giai đoạn 3: Sấy khô

Sấy khô là một quy trình thăng chốt trong sản xuất, có ảnh hưởng đến chất lượng gỗ. Công đoạn sấy phải được tiến hành nghiêm ngặt theo thời biểu và được kiểm tra kỹ lưỡng. Sau khi sấy xong, gỗ được kiểm tra chất lượng để chuyển sang công đoạn tinh chế hoặc xuất cho khách hàng.

➤ **Khâu tinh chế:**

Gỗ sau khi sơ chế được chuyển qua khâu tinh chế với các thiết bị chuyên dùng để tạo ra các sản phẩm lắp ráp hoàn chỉnh hay dạng rời theo yêu cầu.

○ *Công đoạn tạo phôi*

Gỗ sau khi sấy khô được chuyển qua công đoạn tạo phôi với hệ thống các máy bào để có bề dày chuẩn, máy đánh mộng, hệ thống ghép dọc, máy rong biên chuẩn, hệ thống ghép ngang, cắt chuẩn theo kích cỡ sản phẩm.

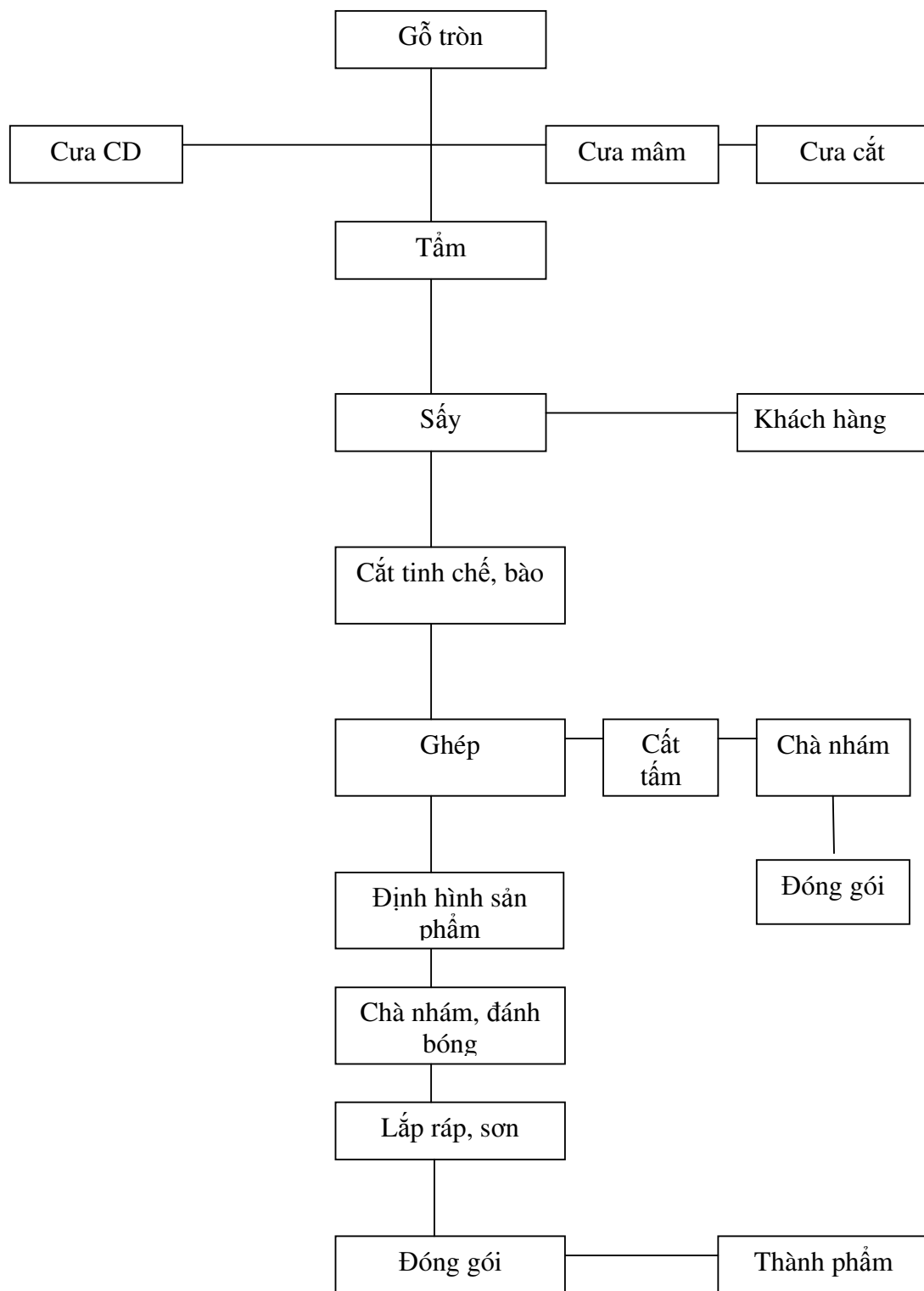
○ *Công đoạn định hình*

Tuỳ theo sản phẩm, gỗ được đánh toupie, router, khoan, đục mộng, tiện, chép hình.

○ *Công đoạn hoàn chỉnh*

Các chi tiết sản phẩm được qua hệ thống máy chà nhám, hệ thống sơn lót, sơn bóng, rồi qua công đoạn lắp ráp. Sản phẩm sau khi tinh chế được kiểm tra chất lượng, sau đó đóng gói bao bì giao cho khách hàng.

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ



6.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trên cơ sở các mẫu mã hiện có tại Công ty và thị trường kết hợp với việc nghiên cứu xu hướng tiêu dùng của khách hàng, để phát triển các sản phẩm mới, đa dạng hoá sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách hàng. Chú trọng đặc biệt đến sản phẩm nội thất văn phòng. Nhóm khách hàng nhắm tới là các công ty, văn phòng đại diện của các công ty nước ngoài và trong nước tại các thành phố, khu công nghiệp và các nhà thầu xây dựng. Từng bước mua lại các nhà máy chế biến gỗ cỡ vừa và nhỏ để mở rộng sản xuất đồng thời tiến hành liên kết với một số công ty lớn hoạt động cùng ngành nhằm đáp ứng sự đa dạng về nhu cầu sản phẩm cho những đơn hàng mà hiện tại Công ty chưa sản xuất được. Tiếp tục hoàn chỉnh và triển khai giai đoạn 2 Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước tại huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước đến hết năm 2009 trên cơ sở điều chỉnh bổ sung dự án trong năm 2006.

Hiện tại, Công ty đang xúc tiến nhằm mở rộng nghiên cứu và phát triển sản xuất kinh doanh trong một số ngành nghề mới nhằm đáp ứng sự đa dạng của các ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng như đáp ứng được sự phát triển đa dạng của nền kinh tế, cụ thể như sau:

Công ty chuẩn bị lập phương án chuyển đổi Xí nghiệp Trung tâm sau năm 2010 thành khu trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng hay siêu thị. Có thể nói đây là thời điểm bắt đầu nóng của thị trường cao ốc văn phòng cho thuê. Do nền kinh tế hội nhập, các doanh nghiệp thành lập ngày càng nhiều, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài nên nhu cầu về cao ốc văn phòng cho thuê đạt tiêu chuẩn đang tăng cao. Lý do nhu cầu cao ốc văn phòng cho thuê đang và sẽ là cơn sốt vì:

- Thứ nhất, đây là xu hướng của các doanh nghiệp trên thị trường vì có một văn phòng đại diện ở một tòa nhà cao tầng hiện đại đủ tiêu chuẩn về an ninh, địa điểm, chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế... là thể hiện đẳng cấp của doanh nghiệp đó.
- Thứ hai, do nhu cầu về các loại văn phòng cho thuê ngày càng tăng trong khi nguồn cung trên thị trường thì không đủ đáp ứng. Cụ thể là hiện tại ở Bình Dương chỉ có một vài dự án đang và sắp được triển khai hoặc đã triển khai nhưng chưa thể đáp ứng kịp nhu cầu tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

Viễn cảnh thiếu hụt văn phòng cao cấp cho thuê tại Bình Dương chắc chắn sẽ là thực tế trước mắt và sẽ gây nên cơn sốt kéo dài. Cao ốc văn phòng đơn thuần, cao ốc văn phòng kết hợp với trung tâm thương mại, khách sạn hoặc căn hộ cao cấp hay là một khu phức hợp bao gồm nhiều tòa nhà chức năng khác nhau vẫn là tầm nhìn và tính toán của nhà đầu tư.. Dĩ nhiên, trong cuộc chạy đua còn phải tính đến nhiều yếu tố của tòa nhà như vị trí địa lý, chất lượng công trình, cung cách phục vụ, dịch vụ cung ứng, giá cả...

Trước tình hình đầu tư và nhu cầu về các cao ốc văn phòng trên địa bàn Bình Dương cho thấy lĩnh vực này hiện còn nhiều triển vọng. Như vậy trong vòng 5 năm tới thì thị trường địa ốc, bất động sản sẽ nóng bỏng và hấp dẫn. Do đó, khối kinh doanh bất động sản của Công ty sẽ là bộ phận tạo ra lợi nhuận chắc chắn.

Việc phát triển thị trường kinh doanh địa ốc sẽ góp phần thúc đẩy các mảng dịch vụ mới hình thành như thi công xây dựng, thiết kế trang trí.... của Công ty phát triển theo hình thức kèm theo thông qua việc cung cấp trọn gói dịch vụ.

Tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang một số ngành nghề mới như: xây dựng công trình, các ngành nghề hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất đồ gia dụng bằng nguyên liệu gỗ, kinh doanh mua bán mùn cao su... và sắp tới Công ty sẽ mua cổ phần của Công ty Cao su Bình Long, Công ty Cao su Phước Hoà để trở thành thành cổ đông chiến lược nhằm tiêu thụ gỗ cao thu thanh lý cho 2 công ty trên.

6.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty có một hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm hoạt động độc lập theo từng công đoạn xuyên suốt từ khâu nhận hợp đồng, tổ chức sản xuất đến giao hàng để đảm bảo ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Bộ phận này quản lý phòng Lab (kiểm nghiệm), có nhiệm vụ thực hiện kiểm nghiệm toàn bộ từ nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm ở các phân xưởng sản xuất và kho dựa trên tiêu chuẩn sản xuất đã ban hành và áp dụng tại Công ty. Đồng thời, phòng còn chịu trách nhiệm thiết lập và quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu CoC, đảm bảo cho mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng. Bộ phận cũng chủ trì việc phối hợp với các bộ phận có liên quan để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan về:

- Kiểm nghiệm thiết bị, dụng cụ sản xuất và kiểm nghiệm.
- Đánh giá nhà cung cấp, nguyên vật liệu chính và các phụ liệu đưa vào.
- Điều tra xử lý sự cố.
- Kiểm tra môi trường.
- Đào tạo huấn luyện.
- Thu hồi, tái chế, thanh lý sản phẩm, nguyên phụ liệu bao bì.
- Xem xét khiếu nại khách hàng.
- Tự kiểm tra.

Ngoài ra, tất cả các sản phẩm xuất xưởng đều phải qua khâu kiểm tra chất lượng tại bộ phận kiểm tra chất lượng.

Hiện tại Công ty đã được Chứng nhận Hệ thống quản lý Chuỗi hành trình sản phẩm theo tiêu chuẩn FSC-CoC và đang hoàn thành giai đoạn cuối hoàn tất thủ tục Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

6.1.7. Hoạt động Marketing

Công ty xác định rằng thương hiệu gỗ Thuận An (**T.A.C**) là một tài sản quý giá đối với việc hình thành và phát triển của Công ty. Do đó, hoạt động quảng bá thương hiệu tại **T.A.C** được chú trọng nhằm tạo dựng thương hiệu Việt mạnh với sứ mạng phát triển để đóng góp cho lợi ích xã hội cho cộng đồng. Công ty sử dụng các đơn vị Marketing

chuyên nghiệp hỗ trợ việc xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu và tổ chức các sự kiện. Nên Công ty rất quan tâm đến các hoạt động Marketing nhằm quảng bá thương hiệu T.A.C của mình thông qua các chương trình xúc tiến quảng cáo, khai thác mở rộng phát triển thị trường cụ thể như sau:

- Đang nghiên cứu thị trường trong nước và phát triển hệ thống phân phối hàng trong nước ra các khu vực: miền Tây, miền Đông và Tây Nguyên.
- Mục tiêu đến các năm tới sẽ đạt được doanh thu sản phẩm nội thất tại thị trường nội địa chiếm từ 20% đến 25% trong tổng doanh thu sản phẩm tinh chế và sản phẩm xuất khẩu vào thị trường Mỹ và Châu Âu tăng 15% nhằm chiếm 95% trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ngoài ra, để đề phòng khi có rủi ro
- Ngoài ra, Công ty còn tham gia các chương trình xúc tiến thương mại của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

6.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty là:



Công ty đang xúc tiến làm thủ tục đăng ký thương hiệu trên thị trường cũng như các bản quyền khác của Công ty.

6.1.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Số hợp đồng	Sản phẩm dịch vụ ký kết	Giá trị hợp đồng (VND)	Tên đối tác trong Hợp đồng	Thời gian thực hiện
Ngày 11/11/2006	Theo đơn đặt hàng	Hợp đồng nguyên tắc	Vietnam Rubber Corporation – Tập đoàn Amstrong - Mỹ	2 năm
Ngày 28/6/2006	Theo đơn đặt hàng	Hợp đồng nguyên tắc	Habufa Meubelen BV – Tập đoàn Hà Lan	1 năm
Ngày 21/6/2005	Theo đơn đặt hàng	Hợp đồng nguyên tắc	Ikea asia pacific Pte Ltd - Tập đoàn Thụy Điển	1 năm

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất (đối với tổ chức đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán) hoặc của năm liền trước năm đăng ký niêm yết (đối với tổ chức đăng ký niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán)

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2004	Năm 2005		Năm 2006	
		Giá trị	Giá trị	% tăng (giảm)	Giá trị	% tăng (giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	79.268.440.607	90.485.088.205	14,2%	158.741.453.756	75,4%
2	Doanh thu thuần	101.099.496.932	170.331.858.632	68,5%	181.977.924.166	6,8%
3	Lợi nhuận gộp	12.486.920.054	17.134.667.078	37,2%	17.500.695.335	2,1%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	7.160.630.687	12.033.294.828	68,0%	12.715.373.528	5,7%
5	Lợi nhuận khác	233.827.784	(140.267.976)	(160%)	2.093.377.612	1.592,4%
6	Lợi nhuận trước thuế	8.394.458.471	11.893.026.852	41,7%	14.808.751.140	24,5%
7	Lợi nhuận sau thuế	7.254.564.900	10.665.629.399	47,0%	13.849.402.453	29,9%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty AFC)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2006 của Công ty đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến gỗ tại Bình Phước (Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước Giai đoạn 1) trên diện tích đất 18,2 ha, diện tích nhà xưởng xây dựng là 27.080 m² với số vốn huy động giai đoạn 1 là 44 tỷ đồng. Do đó, chủ yếu trong năm tài chính hiện tại là đầu tư xây dựng cơ bản, nhập khẩu máy móc thiết bị, chưa triển khai sản xuất nên tỷ suất lợi nhuận trên vốn thấp hơn so với năm 2005. Đến thời điểm này nhà máy đã bắt đầu triển khai và đi vào hoạt động và cho sản phẩm đảm bảo chất lượng.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Việt Nam hiện có trên 2.000 công ty chế biến gỗ đang hoạt động, tuy nhiên phải nói rõ rằng các công ty này cơ bản có năng lực, trình độ kỹ thuật và chất lượng sản phẩm đều khác nhau.
- Theo khảo sát của cục thống kê thực hiện cho thấy có khoảng 45 công ty nhưng chiếm gần 75 % trên tổng trị giá xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam, trong đó Công ty Chế biến Gỗ Thuận An là một trong số các thành viên trong nhóm này.
- Xét về quy mô công nghệ cao ngành tinh chế sản phẩm gỗ hoàn chỉnh và chất lượng cao của sản phẩm đồ gỗ thì Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An là một trong số những công ty hàng đầu tại Việt Nam.
- Về tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với doanh thu và so với vốn kinh doanh thì Công ty Chế biến Gỗ Thuận An là một trong những công ty hoạt động có hiệu quả cao cũng như việc chú trọng đến đầu tư phát triển công nghệ và sản phẩm mới.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Gỗ cao su là một trong những sản phẩm gỗ được ưa chuộng trên thị trường thế giới, Gỗ cao su thuộc nhóm 7, màu sáng, vân đẹp, tỷ trọng trung bình, gỗ mềm, dễ gia công, sản phẩm nhẹ. Tuy nhiên, nếu không được tẩm, sấy đúng quy trình, gỗ rất dễ bị mối mọt.
- Gỗ cao su khi được xử lý tốt có màu vàng sáng đến màu kem nhạt và có thành phần hoá học tương tự như gỗ có tỷ trọng lớn. Tùy theo loại sản phẩm và yêu cầu của thị trường, gỗ sau khi gia công có thể giữ nguyên màu tự nhiên hay màu nâu... Gỗ được chế biến thành các sản phẩm đồ gia dụng như: bàn, ghế, tủ, giường, kệ sách...những sản phẩm hoàn chỉnh hoặc dạng rời chưa lắp ráp tùy theo nhu cầu tiêu thụ. Ngoài ra gỗ cao su còn được ghép thành tấm dùng trong xây dựng để làm trần nhà, ván sàn, cột, khung cửa...Gỗ cao su sản xuất dùng cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu chủ yếu dưới dạng các đồ dùng thành phẩm.
- Thị trường xuất khẩu đồ gỗ ở Châu Á hiện đứng đầu là: Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, ...
- Các nước nhập khẩu thành phẩm gỗ cao su nhiều nhất là Mỹ, Nhật Bản, Bỉ, Thụy Điển và các nước Châu Âu... Ngoài ra còn có thị trường Châu Á như Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore...
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm đồ gỗ gia dụng trên thế giới được tập trung chủ yếu là Mỹ, các nước trong liên minh Châu Âu, Nhật Bản. Sản phẩm đồ gỗ gia dụng như bàn, ghế, giường, tủ, salon, và những sản phẩm làm bằng gỗ của Việt Nam hiện đang thu hút các nhà đầu tư và phân phối đại diện cho thị trường các nước trong liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Mỹ....

- Theo hiệp hội các nhà kinh doanh đồ gỗ Châu Âu, đồ trang trí nội thất, thủ công mỹ nghệ Việt Nam là mặt hàng các nước Châu Âu, Mỹ tiêu thụ mạnh nhất, có tiềm năng phát triển và hiện đang thâm nhập rất tốt vào thị trường Mỹ, Châu Âu. Trình độ sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam đã được nâng cao một cách đáng kể, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu khắc khe nhất của khách hàng về quy cách và chất lượng.
- Để đồ gỗ Việt Nam có chỗ đứng vững chắc trên thị trường nói chung, trong đó có các nước Châu Âu, Mỹ nói riêng, các doanh nghiệp Việt Nam cần tiềm hiểu kỹ đặt điểm kênh phân phối của Châu Âu, Mỹ, có phương pháp tiếp thị hợp lý, chú trọng đến cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm, đồng thời lưu ý đến các yếu tố về môi trường.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 31/12/2006, tổng số lao động của Công ty là 478 lao động. Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ	Số lượng lao động	Tỷ trọng
Trình độ Đại học trở lên	23	4,8%
Cao đẳng, Trung cấp	20	4,2%
Công nhân kỹ thuật	135	28,2%
Lao động phổ thông	300	62,8%
Tổng	478	100%

9.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp

a. Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ cho công nhân để nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động. Đối với những đơn hàng mới thì đơn vị lập kế hoạch để triển khai đào tạo nhằm đảm bảo sự tiếp thu và thực hiện tốt cho từng đơn hàng. Đồng thời phát huy một số cá nhân có tay nghề cao nhằm làm đội ngũ nòng cốt để thực hiện hướng dẫn. Người lao động

luôn được khuyến khích và tạo điều kiện cho việc tham gia các lớp nhằm nâng cao trình độ tay nghề cũng như kiến thức về tin học và ngoại ngữ...

- Đối với lao động gián tiếp: Công ty thường xuyên tổ chức các khoá học về chuyên môn, nghiệp vụ cho từng nhóm cán bộ thông qua việc liên kết với các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp. Đồng thời, tổ chức cho các cán bộ tham gia đầy đủ các buổi cập nhật kiến thức về các quy định cũng như các văn bản pháp luật. Công ty thường xuyên khuyến khích và tạo điều kiện cho các bộ tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn và dài hạn cũng như các khoá học về tin học ngoại ngữ.

b. Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận hoạt động. Đồng thời tiền lương tại đơn vị được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc phân phối tiền lương được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh và trình độ chuyên môn cho từng người lao động trong Công ty.

c. Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

d. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ hưu trí... theo đúng chế độ và chính sách hiện hành của nhà nước.

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật

đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc và ô nhiễm; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết; cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào dịp sinh nhật; nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3; ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; cưới hỏi; ngày lễ tết (tết Dương lịch, tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, quốc khánh 2/9);
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty đã có thời gian tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12;
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm;
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tết trung thu;
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

e. Tình hình thu nhập của công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
Tổng quỹ lương	11.386.369.688	17.016.259.856	11.873.520.920
Tiền thưởng	137.890.000	603.800.000	1.015.000.000
Tổng thu nhập	11.524.259.688	17.620.059.856	12.888.520.920
Tiền lương bình quân	1.886.410	2.541.257	2.208.616
Thu nhập bình quân	1.909.254	2.631.431	2.397.418
Lao động bình quân	503	558	448

10. Chính sách cổ tức

Mức cổ tức hàng năm của Công ty được căn cứ trên cơ sở hiệu quả hoạt động hàng năm và được Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định và thông qua. Cổ tức được chia từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ vốn góp của từng bên. Ngoài ra, mức cổ tức chi trả còn phụ thuộc vào phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm tới. Mức trả cổ tức một số năm qua như sau:

- Mức trả cổ tức năm 2004: 15%
- Mức trả cổ tức năm 2005: 20%
- Mức trả cổ tức năm 2006: 13%

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ được sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam được quy đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế mua vào của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tiền và các khoản phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ chưa được thanh toán vào ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của thị trường giao dịch ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào chi phí và thu nhập hoạt động tài chính của kỳ tài chính tương đương lập dựa trên các quy định hiện hành về chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

a. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền áp dụng cho từng tháng.

Giá trị sản phẩm dở dang được xác định theo phương pháp quy đổi theo giá trị sản phẩm hoàn thành tương đương.

Chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành thực tế trong kỳ.

Một số chỉ tiêu chi tiết về hàng tồn kho tại ngày kết thúc niên độ các năm 2004, 2005 và 2006 (ngày 31 tháng 12 các năm)

Chỉ tiêu	31/12/2004	31/12/2005	31/12/2006
Hàng mua đang đi đường	15.577.244.886	11.645.523.692	9.657.861.821
Nguyên liệu vật liệu	2.054.762.682	3.987.772.955	773.274.480
Công cụ dụng cụ	21.208.128	13.223.006	111.707.276
Chi phí SXKD dở dang	11.526.402.227	9.628.185.861	1.705.488.707
Thành phẩm	5.405.172.739	7.337.151.587	7.850.946.862
Hàng gửi đi bán	-	-	-

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(55.000.000)	(55.000.000)	(55.549.161)
Tổng cộng	34.529.790.662	32.556.857.101	20.043.729.984

b. Tài sản cố định

- Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Công ty áp dụng trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian sử dụng ước tính và phù hợp với quy định hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Thời gian ước tính khấu hao áp dụng tại Công ty:

Nhà cửa, vật kiến trúc:	10-15 năm
Máy móc, thiết bị:	8-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	10 năm
Thiết bị quản lý khác:	5 năm

- Một số chỉ tiêu chi tiết về tài sản cố định tại ngày kết thúc niên độ các năm 2004, 2005 và 2006 (ngày 31 tháng 12 các năm)

Chỉ tiêu	31/12/2004	31/12/2005	31/12/2006
Nguyên giá TSCĐ	35.499.910.372	40.896.709.156	43.953.781.384
Hao mòn lũy kế	(6.138.007.573)	(9.987.825.742)	(17.613.789.136)
Giá trị còn lại	29.361.902.799	30.908.883.414	26.339.992.248

c. Thu nhập bình quân

Đơn vị tính: đồng

Năm	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty	1.909.254	2.631.431	2.397.418

Đây là mức thu nhập cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và khá so với các doanh nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trong khi Công ty đang mở rộng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh cùng với việc tăng sử dụng lao động phổ thông, điều đó chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động là rất tốt.

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2004-2005 và 2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

- Thuế giá trị gia tăng: Mặt hàng do Công ty sản xuất chịu Thuế giá trị gia tăng ở các mức sau:
 - Thuế suất 5% đối với phế liệu thu hồi trên lô.
 - Thuế suất 10% đối với sản phẩm sơ chế, tinh chế.
 - Thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận thu được. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo. Năm tài chính 2006 là năm thứ 03 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Đối với các loại thuế khác: Thực hiện theo đúng quy định của từng sắc thuế.

Hiện tại, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

f. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hoá, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan tới việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

g. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng Quản trị thống nhất và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông qua. Công ty sẽ thực hiện trích lập các quỹ như: Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi.

Số dư các quỹ vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

CÁC QUỸ	31/12/2004	31/12/2005	31/12/2006
Quỹ dự phòng tài chính	-	354.809.717	888.091.187
Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	533.281.470
Quỹ khen thưởng, phúc	42.733.956	22.993.957	556.100.416
Tổng cộng	52.733.956	377.803.674	1.977.473.073

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty AFC)

h. Tổng dư nợ vay

Số dư của các khoản vay vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2004	31/12/2005	31/12/2006
Vay và nợ ngắn hạn	9.200.000.000	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-

Công ty không có nợ quá hạn

i. Tình hình công nợ hiện nay

Số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm tài chính như sau:

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2004		31/12/2005		31/12/2006	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Các khoản phải thu Ngắn hạn	7.732.695.901	58.238.364	14.647.872.355	130.469.833	7.432.937.834	

Phải thu của khách hàng	6.527.774.274	58.238.364	14.000.319.761	130.469.833	3.320.076.274	
Trả trước cho người bán	793.104.975	-	282.700.000	-	2.129.140.000	
Phải thu nội bộ	-	-	-	-		
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-		
Các khoản phải thu khác	470.055.016	-	423.090.958	-	2.149.898.935	
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(58.238.364)	-	(58.238.364)	-	(166.177.375)	
Các khoản phải thu Dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	7.732.695.901	58.238.364	14.647.872.355	130.469.833	7.432.937.834	-

(Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã kiểm toán của của Cty AFC)

Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2004	31/12/2005	31/12/2006
Nợ ngắn hạn	31.816.141.750	39.202.174.801	48.626.784.662
Vay và nợ ngắn hạn	9.200.000.000	-	-
Phải trả cho người bán	10.008.943.974	17.570.199.370	19.971.179.017
Người mua trả tiền trước	7.521.651.633	13.738.162.404	15.686.937.601
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	250.504.525	308.202.448	699.983.800
Phải trả công nhân viên	3.889.868.374	6.949.850.487	6.172.019.884
Chi phí phải trả	136.617.500	164.000.000	5.498.345.770
Phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	808.555.744	471.760.092	598.318.590
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
Nợ dài hạn	0	84.480.331	56.298.568
Phải trả dài hạn người bán			

Phải trả dài hạn nội bộ			
Phải trả dài hạn khác			
Vay và nợ dài hạn			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		84.480.331	56.298.568
Dự phòng phải trả dài hạn			
Tổng cộng	31.816.141.750	39.286.655.132	48.683.083.230

(Nguồn: trích Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty AFC)

7.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
<i>Cơ cấu tài sản</i>				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	60,78	63,68	55,82
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	39,22	36,32	44,18
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,14	43,42	31,46
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	59,86	56,58	68,54
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,49	2,3	3,18
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,52	1,47	1,82
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,22	1,11
Tỷ suất sinh lời				
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>				
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	8,08	6,85	7,78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,89	6,22	7,28
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>				
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	10,59	13,13	9,18
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	9,15	11,79	8,58
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	18,11	26,56	16,47

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ Danh sách

▪ Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Đình Xuân - Chủ tịch HĐQT
- Bà Đặng Thị Hồng Phương - Ủy viên HĐQT
- Ông Trương Văn Nghĩa - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Thanh Minh - Ủy viên HĐQT
- Ông Đỗ Văn Bình - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quốc Việt - Ủy viên HĐQT
- Ông Trương Văn Quanh - Ủy Viên HĐQT

▪ Danh sách Ban Giám đốc:

- Ông - Đỗ Văn Bình - Giám đốc

▪ Danh sách Ban Kiểm soát:

- Bà Trần Thị Kim Thanh - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Lệ Dung - Thành viên
- Bà Bùi Thị Kim Oanh - Thành viên.

❖ Sơ yếu lý lịch tóm tắt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

1. Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH XUÂN

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11-07-1947
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Anh – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 29 Đường Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 9.325593
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cao su Việt Nam
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu Đại diện cho Tổng Công ty Cao su Việt Nam là: 1.006.500 cổ phần (chiếm 11.97%); Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 1.750 cổ phần (chiếm 0,02%).
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

2. Họ và tên: ĐẶNG THỊ HỒNG PHƯƠNG

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 05-07-1957
- Nơi sinh: Việt Hưng – Văn Lam – Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Việt Hưng – Văn Lam – Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Nhà số 6, ngõ 343 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.93450493
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học tài chính Hà Nội, MBA Đại học Touro - Mỹ
- Quá trình công tác:
 - Năm 1981 đến 1994 Công tác tại Tổng Công ty Bảo Hiểm Việt Nam.
 - Năm 1994 đến 1998 Trưởng phòng Phi hàng hải – Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia.
 - Năm 1999 đến 2001 Trưởng phòng đầu tư - Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
 - Năm 2001 đến 2005 Giám đốc Công ty Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt - Tập đoàn Bảo Việt.
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu Đại diện cho Tổng Công ty Cao su Việt Nam là: 780.000 cổ phần (chiếm 9.28%); Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 0 (không) cổ phiếu.
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

3. Họ và tên: TRƯƠNG VĂN NGHĨA

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 16 – 12 - 1955
- Nơi sinh: xã Tam Phước – Long Thành - tỉnh Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long Thành - Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú: 131 Khu 13 xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 061.3724 666
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Năm 1986 Giám đốc nông trường Cao su Long Thành thuộc Công ty Cao su Đồng Nai.
 - Năm 1997 Phó giám đốc Công ty Cao su Đồng Nai.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty Cao su Đồng Nai.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu Đại diện cho Tổng Công ty Cao su Việt Nam là: 300.000 cổ phần (chiếm 3.57%); Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 9.370 cổ phiếu (chiếm 0,11%).
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

4. Họ và tên: NGUYỄN THANH MINH

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1952
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0651-666 180
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cao học Hoá
- Quá trình công tác: Năm 1975 nhân viên Công ty Cao su Bình Long.
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty Cao su Bình Long
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu Đại diện cho Công ty Cao su Bình Long là: 660.650 cổ phần (chiếm 7.86%); Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 14.150 cổ phiếu (chiếm 0.17%).
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

5. Họ và tên: ĐỖ VĂN BÌNH

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12-03-1954
- Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: 165/70 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-718 031
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:
 - Năm 1978 đến năm 1990 Cán bộ quản lý kỹ thuật Tổng cục cao su Việt Nam.
 - Năm 1991 đến năm 2001 Phó Giám đốc Công ty CN & XNK Cao su.
 - Năm 2002 đến nay Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là: 8.750 cổ phiếu (chiếm 0.10%).
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

6. Họ và tên: NGUYỄN QUỐC VIỆT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24-07-1962
- Nơi sinh: Dầu Tiếng – Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dầu Tiếng – Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 8/11 Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-561448
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông học, Cử nhân chính Trị
- Chức vụ Hiện nay: Phó Giám đốc Công ty Cao su Dầu Tiếng
- Hành vi phạm pháp: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu Đại diện cho Công ty Cao su Dầu Tiếng là: 397.500 cổ phần (chiếm 4.73%); Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 0 (không) cổ phiếu.
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

7. Họ và tên: TRƯƠNG VĂN QUANH

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07-05-1959
- Nơi sinh: Phước Hoà – Phú Giáo – Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phước Hoà – Phú Giáo – Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, ấp I A, xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-657105
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:
 Từ 1978 đến 1997 Cán bộ tổ chức Lao động Tiền lương.
 Từ 1998 đến nay Phó bí thư thường trực Đảng uỷ, Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ Hiện nay: Phó Giám đốc Công ty
- Hành vi phạm pháp: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu Đại diện cho Công ty Cao su Phước Hòa là: 467.750 cổ phần (chiếm 5.56%); Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 0 (không) cổ phiếu.
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

8. Họ và tên: TRẦN THỊ KIM THANH

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/05/1966
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn An Lộc, Bình Long, Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0651-666186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác: Công tác tại phòng Kế toán Công ty Cao su Bình Long từ năm 1990

- Chức vụ Hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cao su Bình Long
- Hành vi phạm pháp: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 3.550 cổ phiếu (chiếm 0.04%).
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

9. Họ và tên: NGUYỄN THỊ LỆ DUNG

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 19.11.1964
- Nơi sinh: Xuyên Mộc – Bà Rịa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Uyên - Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 16 Lô A, Khu chợ Đường Đình Bộ Lĩnh, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một B
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-657111
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học Kinh tế
- Chức vụ Hiện nay: Phó phòng tài chính kế toán Công ty Cao su Phước Hoà
- Hành vi phạm pháp: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 0 (không) cổ phiếu.
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

10. Họ và tên: BÙI THỊ KIM OANH

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28-10-1959
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lê Lợi - Kiến Xương – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: C7/25 Láng Hạ, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04-8247 605
- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1984 đến 1992 Công tác tại Tổng Công ty Bảo Hiểm Việt Nam
 - Từ 1994 đến nay Công tác tại Công ty quản lý Quỹ đầu tư
- Chức vụ Hiện nay: Giám đốc đầu tư
- Hành vi phạm pháp: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 0 (không) cổ phiếu.
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

11. Họ và tên: LÊ THỊ XUYẾN

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/11/1972
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 25/12 ấp Tân Hoà, Đông Hoà, Dĩ An, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-718030
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1997 đến 2001 Kế toán tổng hợp xí nghiệp tinh chế gỗ cao su Đông Hoà – Công ty công nghiệp và xuất nhập khẩu cao su.
 - Từ 2002 đến 2003 Trưởng phòng sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An.
 - Từ 2004 đến nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An.
- Chức vụ Hiện nay: Kế toán trưởng
- Hành vi phạm pháp: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không
- Số cổ phiếu nắm giữ: Số cổ phiếu sở hữu cá nhân là 3.000 cổ phiếu (chiếm 0.04%).
- Số cổ phiếu nắm giữ của người có liên quan: Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2006:

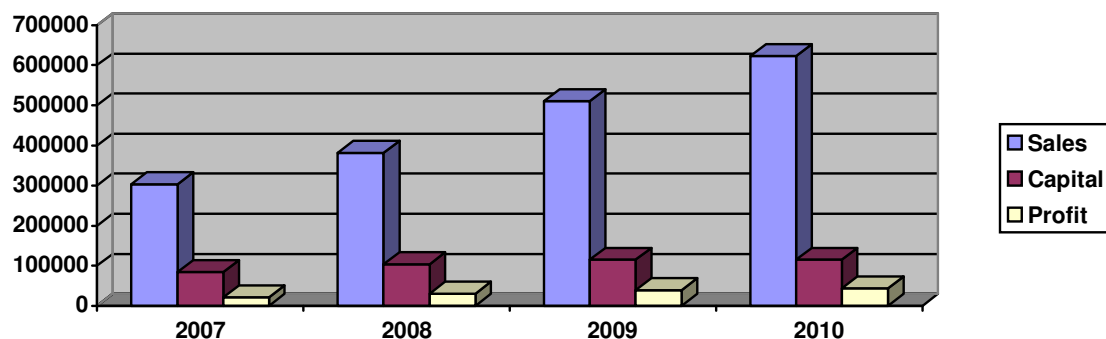
Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTCL/NG
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	21.194.649.286	13.722.115.958	64,74%
2	Máy móc thiết bị	19.692.446.714	10.971.717.678	55,71%
3	Phương tiện vận tải	1.174.278.159	939.844.264	79,98%
4	Thiết bị quản lý	1.892.407.225	706.314.348	37,31%
5	TSCĐ Vô hình	-	-	-
Cộng		43.953.781.384	26.339.992.248	59,93%

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch lợi nhuận

Chi tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị, tỷ lệ	% thay đổi so với 2006	Giá trị, tỷ lệ	% thay đổi so với 2007	Giá trị, tỷ lệ	% thay đổi so với 2008
Vốn điều lệ (triệu đồng)	104.000	23,7	104.000	-	130.000	25,0
Doanh thu thuần (triệu đồng)	206.244	13,3	371.700	80,2	478.800	28,8
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	18.348	32,5	26.019	41,8	38.975	49,8
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,9 %		7,0 %		8,1 %	
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	17,64 %		25,02 %		29,98%	
Cổ tức	15.730		17.854		26.390	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	15,2 %		17,2 %		20,3 %	



14.2. Phương hướng thực hiện

a. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

❖ Điểm mạnh:

- Bộ máy cán bộ quản lý, điều hành Công ty có nhiều năm kinh nghiệm điều hành và quản lý trong ngành khai thác và chế biến gỗ.
- Mô hình quản lý hiện tại của Công ty đã và đang vận hành có hiệu quả. Thực hiện tốt cơ chế khoán - quản, thưởng - phạt rõ ràng, chế độ trách nhiệm của Giám đốc, các cán bộ quản lý chủ chốt để vừa khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nâng cao hơn nữa.
- Thực hiện soát xét hoạt động của các đơn vị, phòng ban trực thuộc hiện nay để có biện pháp tăng cường sức mạnh cho Công ty. Đồng thời những bộ phận hoạt động không hiệu quả và xét thấy không cần thiết thì có biện pháp tổ chức lại cho thích hợp, tiết kiệm chi phí đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý.
- Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước đã và đang bắt đầu đưa vào khai thác với sự đảm bảo về chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng được ngày càng tăng nhu cầu của thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.
- Công ty có lợi thế về nguồn nguyên liệu, vì đa phần cổ đông là các công ty cao su lớn ở khu vực Miền Đông, nơi nguồn nguyên liệu cao su thanh lý khá tập trung. Theo dự kiến kế hoạch thanh lý vườn cây cao su của các công ty cao su như sau:

- Khu vực tỉnh Bình Phước: Bình quân khoảng 2.100 – 2.300 ha/năm. Như vậy, với diện tích thanh lý cây cao su như trên thì hàng năm công ty có thể sản xuất khoảng 70.000 m³ phôi cao su; có thể sản xuất 35.000 m³ gỗ cao su tinh chế và nếu công nghệ cho phép thì có thể sản xuất được khoảng 90.000 m³ ván MDF.
- Khu vực tỉnh Bình Dương: Bình quân khoảng 2.000 ha/năm. Như vậy, với diện tích thanh lý cây cao su như trên thì hàng năm công ty có thể sản xuất khoảng 60.000 m³ phôi cao su; có thể sản xuất 30.000 m³ gỗ cao su tinh chế và nếu công nghệ cho phép thì có thể sản xuất được khoảng 70.000 m³ ván MDF.
- Nhận thức của cán bộ công nhân viên về công ty cổ phần đã được nâng cao, ý thức bảo vệ tài sản Công ty cũng như các bí mật kinh doanh được cán bộ công nhân viên quán triệt với sự đồng thuận sâu sắc.
- Công ty xây dựng được mối quan hệ và mức độ tín nhiệm với Tổng Công ty cao su Việt Nam và các Công ty cao su thành viên cũng như các đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Ngoài ra Công ty còn được thừa hưởng những chính sách chung về Marketing, đào tạo và chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến của ngành, chính sách mở rộng và phát triển thị trường.
- Công ty đang có kế hoạch mở rộng hơn nữa quy mô và ngành nghề kinh doanh. Trong thời gian đầu Công ty phát huy tối đa các ngành nghề truyền thống như sản xuất chế biến gỗ làm cơ sở cho sự hình thành và phát triển các ngành nghề mới như : bất động sản, kinh doanh mủ cao su, xây dựng hạ tầng và một số ngành nghề khác.

❖ Điểm yếu:

- Đội ngũ nhân sự điều hành còn thiếu, chưa đáp ứng được mức độ mở rộng và phát triển của Công ty. Đội ngũ công nhân chưa được đào tạo bài bản cũng như thiếu hụt công nhân lành nghề.
- Thiếu hụt cán bộ giỏi, nòng cốt cũng như những cán bộ đầu ngành cho những lĩnh vực, ngành nghề mới mà Công ty đang bắt đầu triển khai.
- Kết quả kinh doanh chưa được tăng trưởng ổn định và bền vững do trong giai đoạn đầu tư mở rộng.

❖ Cơ hội:

- Nền kinh tế Việt Nam đang trong đà tăng trưởng khá nhanh và ổn định.
- Chính sách của nhà nước ngày càng thông thoáng cho hoạt động của các doanh nghiệp.
- Khả năng thu hút vốn đầu tư thông qua thị trường chứng khoán khi Công ty được niêm yết trên trung tâm giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Khi Việt Nam tham gia tổ chức thương mại thế giới sẽ tạo thế và lực cho các doanh nghiệp Việt Nam, tránh tình trạng được phân biệt đối xử, được hưởng những ưu đãi và mở rộng thị trường.
- Thị trường tiêu dùng đồ gỗ gia dụng ngày càng mở rộng.

Hiện tại, các sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam có mặt ở 120 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, với các chủng loại sản phẩm đa dạng, từ hàng trang trí nội thất trong nhà, hàng ngoài trời... đến các mặt hàng dăm gỗ.

Nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng đồ gỗ trang trí nội thất tăng bình quân 15%/năm (so với thế giới là 8%/năm).

Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gỗ và đồ trang trí bằng gỗ đang có xu hướng quay trở lại với thị trường nội địa do giá bán hàng nội thất trong nước hiện cao hơn giá xuất khẩu khoảng 10%. Tuy nhiên trên cả hai mảng thị trường trong và ngoài nước chúng ta luôn phải cạnh tranh với những đối thủ lớn như Trung Quốc, Đài Loan với nhiều chủng loại, mẫu mã hàng hoá đa dạng, phù hợp với thị hiếu của thị trường.

Định hướng phát triển thị trường đồ gỗ của Việt Nam trong những năm tới là ngoài việc duy trì và phát triển các thị trường truyền thống (cả thị trường trung chuyển và thị trường người tiêu dùng trực tiếp) để thông qua đó uy tín và chất lượng của sản phẩm gỗ xuất khẩu Việt Nam tiếp cận nhanh hơn tới người tiêu dùng, ngành gỗ Việt Nam sẽ tập trung phát triển mạnh một số thị trường mục tiêu, có nền kinh tế phát triển ổn định, sức mua và nhu cầu tiêu dùng tục tăng, các thể chế về kinh doanh, thương mại hoàn thiện, hệ thống phân phối rộng khắp và năng động, bao gồm: EU, Mỹ, Nhật Bản ... Ngoài ra, hiện nay thị trường trong nước cũng đang gặp phải sự cạnh tranh gay gắt với hàng nội thất của Đài

Loan, Trung Quốc với nhiều mẫu mã và giá cả cạnh tranh. Hàng nội thất của Đài Loan đã và đang được người tiêu dùng quan tâm, sản phẩm của họ có nhiều chất liệu khác nhau từ gỗ thiên nhiên đến gỗ nhân tạo...phù hợp với nhiều thị hiếu của người tiêu dùng, do đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sự nỗ lực hơn nữa, cải tiến kỹ thuật, giảm giá thành nhằm tăng tính cạnh tranh.

Việt Nam là một nước nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, với hệ thực vật phong phú cùng nhiều loại gỗ quý như lim, gụ... song quá trình khai thác rừng đã và đang làm cho nguồn tài nguyên gỗ ngày càng cạn kiệt do đó nguồn nguyên liệu để sản xuất gỗ chủ yếu hiện nay của chúng ta là gỗ cao su, nguyên liệu gỗ nhập khẩu...

❖ Nguyên cơ:

- Việc gia nhập các tổ chức thương mại thế giới cũng là thách thức khi Công ty phải cạnh tranh trực tiếp và bình đẳng với các Công ty nước ngoài ngay tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên đặc thù của công nghiệp gỗ không chịu sức ép cạnh tranh lớn như các doanh nghiệp thương mại và sản xuất hàng hoá khác.
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong và ngoài nước.

b. Phương hướng thực hiện

❖ Quảng bá thương hiệu

- Thường xuyên củng cố, giữ vững và tăng thêm giá trị thương hiệu, củng cố lòng tin của khách hàng đối với thương hiệu trên mọi lĩnh vực hoạt động;
- Phân công cán bộ chuyên trách về bán hàng và tiếp thị, củng cố, quảng cáo, kiểm tra đôn đốc công tác phát triển thương hiệu của Công ty.

❖ Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm

- Phân tích và thiết lập quy trình cho các hoạt động một cách chắc chắn để chuẩn hoá và tối ưu hoá hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thiết lập hệ thống thông tin đa chiều và xây dựng các hồ sơ theo dõi nhằm khắc phục các thiếu sót của hệ thống quản lý.

❖ Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh

- Nhằm phát huy hiệu quả vườn cây cao su thanh lý, thúc đẩy nền công nghiệp chế biến gỗ trong ngành phát triển, tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo công ăn việc làm cho người lao động cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng mở rộng phát triển tăng thêm lợi nhuận cho Công ty. Do đó, Công ty đã quyết định đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ tại Bình Phước.
- Nhà máy chế biến Gỗ Bình Phước: Nằm cạnh quốc lộ 13, thuộc nông trường Minh Hưng thuộc xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Địa điểm xây dựng nhà máy chế biến gỗ có nhiều thuận lợi từ: Giao thông, nguồn nguyên liệu, Điện, nước, địa hình, địa chất, môi sinh... Với công suất định hình:
 - Nhà máy sơ chế: 40.000 m³/ năm: Phục vụ chế biến chủ yếu cho vườn cây cao su thanh lý của khu vực Miền Đông.
 - Nhà máy tinh chế gỗ: Công suất 40.000 m³/năm.

Công suất giai đoạn 1 (năm 2006)

Nhằm mục tiêu mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty, tăng doanh thu, nâng cao giá trị sản phẩm từ nguồn gỗ cao su thanh lý, tạo việc làm cho người lao động thúc đẩy nền kinh tế địa phương phát triển. Trong năm 2006 Công ty tiến hành đầu tư và đưa vào sử dụng Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước giai đoạn I được thực hiện với quy mô ước tính như sau:

- Gỗ cao su sơ chế: 20.000 m³/năm chủ yếu cung cấp cho nhà máy tinh chế khoảng 10.000 m³.
- Gỗ tinh chế: 10.000 m³/ năm chủ yếu là xuất khẩu.

Nội dung đầu tư gồm:

- Thiết bị: bao gồm thiết bị cưa xẻ, cắt, bôn tẩm lực 6 m³/lượt, nồi hơi và đường ống dẫn hơi, thiết bị lò sấy, hệ thống phun sơn và các loại máy khác như máy cưa, máy rong, máy bào, máy ghép, máy khoan...
- Công trình kiến trúc:
 - Khu cưa xẻ- tẩm, sấy diện tích 8.760 m².

- Khu gổ sơ chế với diện tích 7.300 m².
- Cầu nối các xưởng trong công đoạn sơ chế có diện tích 144 m²
- Xưởng tạo phôi có diện tích 10.080 m²
- Xưởng định hình với diện tích 10.080 m²
- Xưởng sơn hoàn chỉnh với diện tích 10.080 m²
- Đóng gói – kho thành phẩm với diện tích 10.080 m²
- 2 nhà hút bụi với diện tích mỗi nhà là 96 m²
- Nhà đặt máy nén khí có diện tích 60 m²
- Kho vật tư với diện tích 200 m²
- Kho cơ khí 150 m²
- Và các phòng ban khác như : hệ thống giao thông – sân bãi, hệ thống điện, hệ thống nước...

○ Với tổng mức đầu tư: 190.000.000.000 đồng.

Hình thức quản lý dự án: Công ty áp dụng hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Công ty lập ban quản lý dự án chịu trách nhiệm tổ chức đấu thầu các hạng mục công trình và quản lý chất lượng công trình trong quá trình thi công.

- Trong kế hoạch phát triển ngành xây dựng và bất động sản Công ty tập trung lớn vào đầu tư tạo quỹ đất đầu tư khai thác qua nhiều hình thức như: xây dựng công trình, cho thuê văn phòng và trang trí nội thất hoàn chỉnh...

❖ Nhân sự

- Liên tục hoàn thiện quy chế tuyển dụng nhân sự nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng cũng như mức độ lành nghề của người lao động.
- Thực hiện chính sách tự bồi dưỡng, đào tạo, luân chuyển và đánh giá kết quả từng người lao động. Thường xuyên tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia các khoá đào tạo nhằm nâng cao tay nghề cũng như các kỹ năng cần thiết khác.

- Tiếp tục việc thực hiện định kỳ đánh giá cán bộ, tạo cơ hội để cán bộ được thử thách trong nhiều hoàn cảnh, công việc khác nhau từ đơn giản đến phức tạp, lực chọn, bổ nhiệm cán bộ phù hợp với năng lực quản lý, điều hành phù hợp với khả năng của từng người, có chính sách đãi ngộ phù hợp, động viên kịp thời trên cơ sở năng lực, hiệu quả đạt được.
- Đang triển khai kế hoạch tuyển dụng lao động nhằm đáp ứng nhu cầu đi vào hoạt động của nhà máy chế biến gỗ tại Bình Phước.

❖ Sử dụng vốn

- Dần dần xây dựng cho phù hợp về cơ cấu nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn nhân rồi. Thực hiện cân đối giữa nguồn vốn vay hay phát hành cổ phiếu khi đầu tư.
- Tiềm kiếm các cơ hội đầu tư thích hợp để tối đa hoá lợi ích sử dụng vốn, đồng thời có chính sách huy động vốn hợp lý nhằm đáp ứng được nhu cầu vốn cho đầu tư cũng như tiết kiệm nhất cho chi phí sử dụng vốn.
- Tham gia thị trường chứng khoán để có thể huy động vốn một cách nhanh chóng, dễ dàng hơn với chi phí hợp lý.
- Chính sách chi trả cổ tức hợp lý nhằm đáp ứng được nhu cầu và lợi ích của cổ đông, đồng thời phải có duy trì một mức hợp lý về lợi nhuận giữ lại nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Chứng khoán Thăng Long đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá cũng như những dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An. Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà Công ty dự kiến là có thể chấp nhận được vì các lý do sau:

- Tốc độ phát triển của nền kinh tế trong nước khá cao và ngày càng ổn định, chính sách của nhà nước ngày càng thông thoáng cho hoạt động của các doanh nghiệp.
- Thị trường tiêu dùng đồ gỗ ngày càng mở rộng và phát triển. Hiện tại, các sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam có mặt ở 120 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.
- Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước đã và đang bắt đầu đưa vào khai thác với sự đảm bảo về chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng được ngày càng tăng nhu cầu của thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

- Công ty có lợi thế về nguồn nguyên liệu, vì đa phần cổ đông là các công ty cao su lớn ở khu vực Miền Đông, nơi nguồn nguyên liệu cao su thanh lý khá tập trung và phong phú.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin do Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An cung cấp và các thông tin có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng trong thời gian từ khi kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2006 đến thời điểm lập Bản cáo bạch không có hoạt động hoặc sự kiện nào cũng như các tranh chấp kiện tụng liên quan phát sinh làm ảnh hưởng đáng kể tới những thông tin đã được trình bày trên Bản cáo bạch này và khả năng hoạt động liên tục của Công ty

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá	10.000 đồng
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	8.407.750 cổ phiếu

Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An, có 3.652.970 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong số 8.407.750 cổ phần đang lưu hành được đăng ký niêm yết. Trong đó:

Theo điều lệ Công ty, các thành viên của Hội đồng quản trị phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 3.612.400 cổ phần. Trong đó, đại diện phần vốn Nhà nước là 1.006.500 cổ phần.

Theo cam kết nắm giữ của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng là 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết là: 40.570 cổ phiếu và 50 % số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo là: 20.285 cổ phiếu.

4. Giá niêm yết dự kiến 55.000 đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Phương pháp sử dụng chỉ số P/E để dự báo như sau:

Bảng định giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An theo phương pháp P/E

Thu nhập sau thuế ước tính cuối năm 2010	i	Nghìn đồng	43.610.000
Chỉ số P/E trung bình ngành	ii		17,5
Giá trị thị trường của Công ty ước tính cuối năm 2010	iii= i*ii	Nghìn đồng	763.175.000
Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC)			13%
Hiện giá của giá trị Công ty theo giá năm 2010	a	Nghìn đồng	468.205.521
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	b		8.407.750
Giá một cổ phiếu hiện tại theo phương pháp P/E	c = a/b	Nghìn đồng	55.69
Mức giá dự kiến		Nghìn đồng	55

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế khác, được Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo đúng các quy định của pháp luật.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG (TSC)

Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: (84-04) 726.2600 Fax: (84-04) 726.2601

Chi nhánh: Số 2 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 910.2215 Fax: (84-8) 910.2216

Website: <http://thanglongsc.com.vn>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)

Trụ sở chính : 138 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08-9303437 Fax: 08-9303365

Chi nhánh Hà nội : 93/B1 Đường Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : 04-7670657 Fax: 04-7670555

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- 3. Phụ lục VI:** Báo cáo kiểm toán
- 4. Phụ lục VII:** Các báo cáo tài chính
- 5. Các phụ lục khác**

**CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC,
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG